

Bản án số: 48/2017/HS-PT
Ngày 21 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Trần Văn Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2017/HSPT ngày 08 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1960; trú tại: thôn C, xã A, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; con ông Nguyễn V (chết) và bà Văn Thị N (chết); có vợ là Dương T và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1985); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 27/01/2017 được tại ngoại (có mặt).

NHẬN THẤY

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng việc ký hợp đồng làm Đại lý bán vé xổ số cho Công ty TNHH Một thành viên xổ số kiến thiết tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Văn L đã trực tiếp ghi số lô, số đề tại nhà mình cho các đối tượng. Cụ thể:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 13 tháng 01 năm 2017, L đang ở nhà thì có một người đàn ông tên Đ trú tại thôn M, xã E đến hỏi mua các số đề gồm: Số 09 = 20.000 đồng; số 21 = 10.000 đồng; số 33 = 50.000 đồng; số 38 = 20.000 đồng; số 83 = 20.000 đồng; số 88 = 30.000 đồng; các số 45, 57, 69 mỗi số đều bằng 5.000 đồng; số 81 = 10.000 đồng; số 93 = 20.000 đồng; các số 98, 89, 84 mỗi số đều bằng 15.000 đồng; số 34 = 25.000 đồng; số 39 = 20.000 đồng; các số 43, 48

mỗi số đều bằng 15.000 đồng; các số 00, 05 mỗi số đều bằng 20.000 đồng; số 50 = 10.000 đồng; các số 22, 27, 55, 11, 16 mỗi số đều bằng 5.000 đồng; số 61 = 3.000 đồng; các số 66, 72, 77, 44, 49, 94, 99 mỗi số đều bằng 2.000 đồng; đầu số 0 = 50.000 đồng; đầu số 1 = 40.000 đồng, đầu số 2 = 50.000 đồng; đầu số 3 = 150.000 đồng; đầu các số 4, 5, 6 mỗi đầu số đều bằng 40.000 đồng; đầu số 7 = 20.000 đồng; đầu số 8 = 120.000 đồng; đầu số 9 = 50.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số của L là 1.007.000 đồng, L khuyến mại cho Đ 287.000 đồng nên Đ chỉ phải trả cho L số tiền 720.000 đồng. Ngày 12/01/2017, Đ mua của L 10.000 đồng số đề 74 và trúng thưởng nên L trả thưởng cho Đ số tiền 700.000 đồng. Sau khi đối trừ tiền trả thưởng Đ trả cho L 20.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L ghi các số đề mà Đ đã mua vào một tờ giấy do L lưu giữ để làm căn cứ đối chiếu sau này trả thưởng. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, có bốn nam thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ, đến nhà L hỏi mua các số đề gồm: Số 63, 81, 83 mỗi số đều bằng = 30.000 đồng; các số 50, 05, 59, 95 mỗi số đều bằng 5.000 đồng; đầu số 6 = 10.000 đồng; dây số 01 = 40.000 đồng; dây số 31 = 120.000 đồng; dây số 33 = 60.000 đồng; số 81 = 180.000 đồng; các số 77, 81 mỗi số đều bằng 10.000 đồng; các số 55, 16, 17, 27 mỗi số đều bằng 20.000 đồng; các số 18, 87 mỗi số đều bằng 50.000 đồng; đầu số 1 = 100.000 đồng; đầu số 8 = 150.000 đồng; các số lô 55, 16, 70 mỗi số 5 điểm, mỗi điểm có giá 22.000 đồng = 330.000 đồng; số đề ba càng 755 = 10.000 đồng. Tổng số tiền bốn nam thanh niên trên phải trả cho L là 1.310.000 đồng. Tuy nhiên L khuyến mại cho bốn nam thanh niên trên 245.000 đồng nên họ chỉ phải trả cho L số tiền 1.065.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L đã ghi các con số mà bốn nam thanh niên trên đã mua vào bốn mảnh giấy để L lưu giữ đối chiếu sau này làm căn cứ trả thưởng. Khoảng 30 phút sau, tiếp tục có Nguyễn X; Tạ Văn D và Nguyễn Văn B đều trú tại xã H đến nhà L hỏi mua số lô, số đề và quy ước giá một điểm lô là 22.000 đồng. Nguyễn X mua của L các số lô: Số 02 = 50 điểm = 1.100.000 đồng; số 06 = 40 điểm = 880.000 đồng; các số đề 02, 06 mỗi số đều bằng 150.000 đồng. Tổng số tiền X phải trả cho L là 2.280.000 đồng, L khuyến mại cho X 75.000 đồng nên X chỉ trả cho L số tiền 2.205.000 đồng. Nguyễn Văn B mua của L các số lô: Số 09 = 40 điểm = 880.000 đồng; số 01 = 20 điểm = 440.000 đồng và số đề 69 = 230.000 đồng. Tạ Văn D mua của L số lô 64 = 60 điểm = 1.320.000 đồng và số đề 68 = 230.000 đồng. Tổng cộng B và D mỗi người phải trả cho L số tiền 1.550.000 đồng, L khuyến mại cho B và D mỗi người 40.000 đồng nên B và D mỗi người chỉ trả cho L số tiền 1.510.000 đồng. Sau khi nhận tiền L đã ghi các con số mà X; B và D mua vào một mảnh giấy để L lưu giữ đối chiếu sau này làm căn cứ trả thưởng. Trong lúc L đang ghi thì bị Công an huyện Y vào bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Văn L và thu giữ 04 mảnh giấy có ghi chữ và các con số.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ: Khi thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi bán số lô, số đề. L và các đối tượng mua số thông nhất, L là người trực tiếp ghi các số lô số đề và thu tiền của các đối tượng mua số. Trong trường hợp người mua số trúng thưởng thì L cũng là người trực tiếp trả tiền thưởng cho họ, giữa L và các đối tượng mua số quy ước một điểm lô có giá tiền là 22.000 đồng. Kết quả trúng thưởng sẽ căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng cùng ngày để đối chiếu với các số lô, số đề mà L đã bán cho các đối tượng. Đối với số đề, nếu các số đề mà người mua trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt trong kết quả xổ số Miền Bắc thì L phải thanh toán tiền thưởng cho người mua số đề theo tỷ lệ 1.000 đồng = 70.000 đồng. Đối với số lô, nếu số lô mà người mua trùng với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải nhất xuống đến giải bảy trong kết quả xổ số Miền Bắc thì L phải thanh toán tiền thưởng cho người mua số lô theo tỷ lệ 01 điểm lô = 80.000 đồng. Trong ngày 12/01/2017, L đã bán cho Đ số đề 74 = 10.000 đồng. Kết quả xổ số Miền bắc của ngày 12/01/2017, giải đặc biệt có 02 số cuối là 74 nên trùng với số đề mà Đ mua của L. Do vậy L phải trả thưởng cho Đ số tiền là 700.000 đồng, tổng số tiền mà L và Đ tham gia đánh bạc ngày 12/01/2017 được xác định bằng 710.000 đồng. Các ngày trước đó L còn bán số lô, số đề cho nhiều người không biết tên tuổi địa chỉ, các bảng lô, bảng đề sau khi đối chiếu kết quả trong ngày L đều hủy bỏ. Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở để tiến hành xác minh và không có căn cứ làm rõ số tiền L dùng vào mục đích đánh bạc và thu lời là bao nhiêu. Do vậy chỉ có căn cứ xác định số tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc bằng hình thức ghi bán số lô, số đề cho Nguyễn X; Nguyễn Văn B; Tạ Văn D và người đàn ông tên là Đ cùng với 04 người đàn ông lạ mặt khác vào ngày 13/01/2017 có tổng giá trị là 7.010.000 đồng (Bảy triệu, không trăm mười nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 28/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 27/01/2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung quỹ

Nhà nước. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn L không tự nguyện nộp số tiền phạt nói trên thì hàng tháng, bị cáo L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền chưa nộp tương ứng với thời gian chậm nộp.

Ngoài ra còn tuyên xử lý vật chứng, tính án phí và tuyên quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 07/4/2017, bị cáo Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin giảm án và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn L thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng án treo mà không xin giảm án với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt nặng đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự để không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng cụ thể:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/01/2017, Nguyễn Văn L đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức trực tiếp ghi bán số lô, số đề tại nhà của mình cho một số đối tượng với tổng số tiền bị cáo tham gia đánh bạc là 8.407.000 đồng. Cụ thể: Ngày 12/01/2017 L bán 10.000 đồng số đề cho Đ, hôm đó, Đ trúng đề, L đã trả Đ 700.000 đồng, số tiền L, Đ dùng để đánh bạc ngày 12/01/2017 được xác định là 710.000 đồng; khoảng 16 giờ 00 ngày 13/01/2017, L bán số lô, số đề cho người đàn ông tên Đ số tiền 1.007.000 đồng, đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, L tiếp tục bán số lô, số đề cho 04 nam thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ số tiền 1.310.000 đồng và 30 phút sau L bán số lô, số đề cho Nguyễn X; Nguyễn Văn B và Tạ Văn D số tiền là 5.380.000 đồng.

Do đó có đủ cơ sở chứng minh hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm vào tội: “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự để xét xử, phạt bị cáo L 10 tháng tù về tội đánh bạc là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Bản thân bị cáo: Ngày 03/3/1997 bị cáo bị Công an huyện Y xử lý hành chính về hành vi đánh bạc; tại Bản án số 30/2008/HSST ngày 31/10/2008 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt L 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng cũng về tội Đánh bạc. Tuy không phải tính là tiền án, tiền sự nhưng cho thấy nhân thân của bị cáo là xấu. Ngày 13/01/2017 bị cáo phạm tội đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 10 tháng tù là thỏa đáng, đã có phần xem xét cho bị cáo, nay bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như: điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình Giấy khen của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Vĩnh Phúc khen thưởng đối với L vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bán vé số kiến thiết tỉnh Vĩnh Phúc năm 2015. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì giấy khen không thuộc các trường hợp quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000. Do vậy yêu cầu kháng cáo của bị cáo không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, cần tuyên giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trước phiên tòa hôm nay.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm xác định số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.010.000 đồng sau khi trừ đi số tiền bị cáo L khuyến mại cho những người mua số lô, số đề là không đúng mà cần phải xác định toàn bộ số tiền của những người dùng để mua số lô số đề của L trong 2 ngày 12 và 13 tháng 01 năm 2017 là: 8.407.000 đồng thì mới đúng, do số tiền tính theo hai cách nói trên chênh lệch không đáng kể, vì số tiền đó không ảnh hưởng đến điều khoản của Điều luật Tòa sơ thẩm xét xử bị cáo nên cấp phúc thẩm thấy không cần thiết sửa bản án mà cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm tránh lặp lại. Về tuyên lãi suất tiền thi hành án chậm: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn L không tự nguyện nộp số tiền phạt nói trên thì hàng tháng, bị cáo L còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền chưa nộp tương ứng với thời gian chậm nộp, là chưa chính xác, cần sửa phần tuyên lãi

suất chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Lộc phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2017/HSST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về hình phạt đối với bị cáo L. Sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên lãi suất của số tiền chậm thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 27/01/2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, khi có Quyết định thi hành án, bị cáo không nộp tiền thi hành án, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo , không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá

